

Kết quả khảo sát



1. Đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Đức năm 2020 so với năm 2019

Quốc gia	Tốt lên	Ổn định	Giảm đi
Việt Nam 2020	27%	59%	14%
ASEAN 2020	21%	46%	33%
<i>Việt Nam (Kết quả khảo sát 2019)</i>	77%	21%	2%
<i>Việt Nam (Kết quả khảo sát 2018)</i>	56%	40%	4%

2. Đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh trong 12 tháng tới:

Quốc gia	Tốt lên	Ổn định	Giảm đi
Việt Nam 2020	23%	45%	32%
ASEAN 2020	17%	33%	50%
<i>Việt Nam (Kết quả khảo sát 2019)</i>	72%	28%	0%
<i>Việt Nam (Kết quả khảo sát 2018)</i>	56%	40%	4%

3. Kỳ vọng của doanh nghiệp về sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong trung hạn

Quốc gia	Tốt lên	Ổn định	Giảm đi
Việt Nam 2020	19%	38%	43%
ASEAN 2020	7%	32%	61%
<i>Việt Nam (Kết quả khảo sát 2019)</i>	67%	26%	7%
<i>Việt Nam (Kết quả khảo sát 2018)</i>	52%	36%	12%

4. Dự định của doanh nghiệp trong 12 tháng tới:

Dự định	Tăng lên	Giữ nguyên	Giảm đi	Không đầu tư
Đầu tư tại Việt Nam 2020	14%	32%	27%	27%
Đầu tư tại ASEAN 2020	9%	26%	41%	25%
<i>Đầu tư tại Việt Nam (Kết quả khảo sát 2019)</i>	55%	37%	3%	5%
<i>Đầu tư tại Việt Nam (Kết quả khảo sát 2018)</i>	52%	36%	8%	4%
Tuyển nhân sự Việt Nam 2020	27%	45%	27%	0%

Tuyển nhân sự tại ASEAN 2020	11%	52%	37%	0%
Tuyển nhân sự tại Việt Nam (Kết quả khảo sát 2019)	59%	39%	2%	0%
Tuyển nhân sự tại Việt Nam (Kết quả khảo sát 2018)	56%	40%	4%	

5. Yếu tố thách thức đối với sự tăng trưởng của doanh nghiệp trong 12 tháng tới:

		Việt Nam 2020	ASEAN 2020	Việt Nam (Kết quả khảo sát 2019)	Việt Nam (Kết quả khảo sát 2018)
1.	Nhu cầu thị trường	68%	77%	26%	20%
2.	Tài chính	32%	41%	18%	16%
3.	Chi phí nhân sự	23%	20%	31%	12%
4.	Thiếu hụt lao động chất lượng cao	23%	15%	44%	44%
5.	Tỷ giá	14%	31%	13%	32%
6.	Giá năng lượng, điện và xăng dầu	18%	13%	21%	20%
7.	An toàn pháp lý	14%	16%	23%	24%
8.	Chính sách kinh tế	59%	42%	51%	44%
9.	Hạ tầng cơ sở	27%	18%	23%	28%
10.	Rào cản thương mại /Bảo hộ doanh nghiệp trong nước	14%	22%	28%	40%

6. Thành phần doanh nghiệp tham dự

	2020
Công nghiệp / Xây dựng	41%
Thương mại	9%
Dịch vụ	50%

Doanh nghiệp có < 100 nhân viên	36%
Doanh nghiệp có > 100 nhân viên và < 1000 nhân viên	36%
Doanh nghiệp có > 1000 nhân viên	27%

7. Những thay đổi về doanh số bán hàng do ảnh hưởng của Corona tới doanh nghiệp

1.	Giảm hơn 10%	9%
2.	Giảm từ 10% - 25%	36%
3.	Giảm từ 25% - 50%	27%
4.	Giảm hơn 50%	9%
5.	Doanh số bán hàng không thay đổi	14%
6.	Doanh số bán hàng tăng	0%
7.	Chưa đánh giá được thời điểm hiện tại	5%

8. Những ảnh hưởng mà doanh nghiệp đang phải đối mặt do đại dịch COVID-19

1	Thiếu hụt hàng hóa / dịch vụ	36%
2	Thất thoát trong sản xuất / thiệt hại về bệnh tật	14%
3	Đơn hàng bị hủy	55%
4	Hội chợ / sự kiện bị hủy	55%
5	Hạn chế đi lại	86%
6	Nhu cầu sản phẩm / dịch vụ giảm	50%
7	Hạn chế thanh khoản	36%
8	Vấn đề về chuỗi cung ứng / hậu cần	59%
9	Đầu tư bị hoãn / hủy	50%
10	Ý kiến khác	0%